

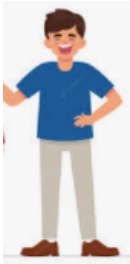
Unit 1-Term 1-Grade 4

Week 1

Listen and match the pictures according to what you hear.



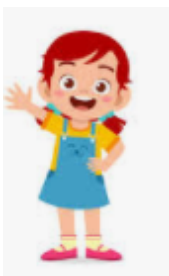
dìdi



gēge



jiějie



mèimei

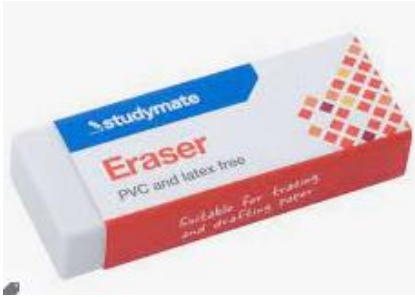


录音文本

1 这是弟弟的书包。 2 这是哥哥的本子。 3 这是妹妹的铅笔。 4 这是姐姐的课本。

Week 2

Choose correct words according to the pictures.



- xiàng pí kè běn
A 橡皮 B 课本



- fàn hé chǐ zi
A 饭盒 B 尺子



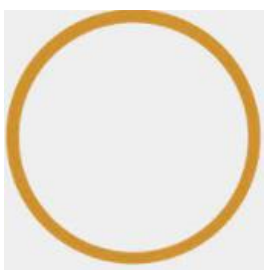
- shū bāo zhǐ
A 书包 B 纸



- qiān bǐ sháo zi
A 铅笔 B 勺子

Week 3

Choose True (✓) or False (x) according to the pictures and words.

		True (✓) or False (x)
1	 shū bāo 书包	
2	 pán zi 盘子	
3	 sháo zi 勺子	
4	 fāng xíng 方形	
5	 sān jiǎo xíng 三角形	
6	 yuán xíng 圆形	

Week 4

1. Match the questions to the corresponding answers.

shì	shuí de	qiān bǐ	zhè
1 是	2 谁的	3 铅笔	4 这

() () () ()

zhè	mā mā	shì	bēi zi	de
1 这	2 妈妈	3 是	4 杯子	5 的

() () () () ()

shì	nǐ de	fàn hé	ma
1 是	2 你的	3 饭盒	4 吗

() () () ()

zhè	wǒ de	shì	bù	kè běn
1 这	2 我的	3 是	4 不	5 课本

() () () () ()

2. Write or complete the Chinese characters by adding the missing strokes.

